

Số: 200/BC-TH-HĐQT

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 03 năm 2017

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Năm báo cáo: 2016**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

**I. Thông tin chung:**

*1. Thông tin khái quát:*

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2801448559, đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 13/11/2009, Đăng ký thay đổi lần 5 ngày 03/05/2013.
- Vốn điều lệ: 400.000.000.000 đồng (Bốn trăm tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 400.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.
- Số điện thoại: 0373 900 333.
- Số fax: 0373 900 222.
- Website: [www.ptscthanhhhoa.com.vn](http://www.ptscthanhhhoa.com.vn)
- Mã cổ phiếu: PSN

*2. Quá trình hình thành và phát triển:*

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (PTSC Thanh Hóa) là một đơn vị thành viên của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC), PTSC Thanh Hóa được thành lập tháng 9 năm 2009 trên cơ sở chuyển giao cảng Nghi Sơn từ Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 01/01/2011, PTSC Thanh Hóa tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp với vốn Điều lệ là 400 tỷ đồng.

Ngày 17/12/2012, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có công văn số 5081/UBCK-QLPH chấp thuận việc đăng ký công ty đại chúng của PTSC Thanh Hóa theo quy định của luật Chứng khoán.

Ngày 29/11/2016, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đã có quyết định số 783/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty PTSC Thanh Hóa.

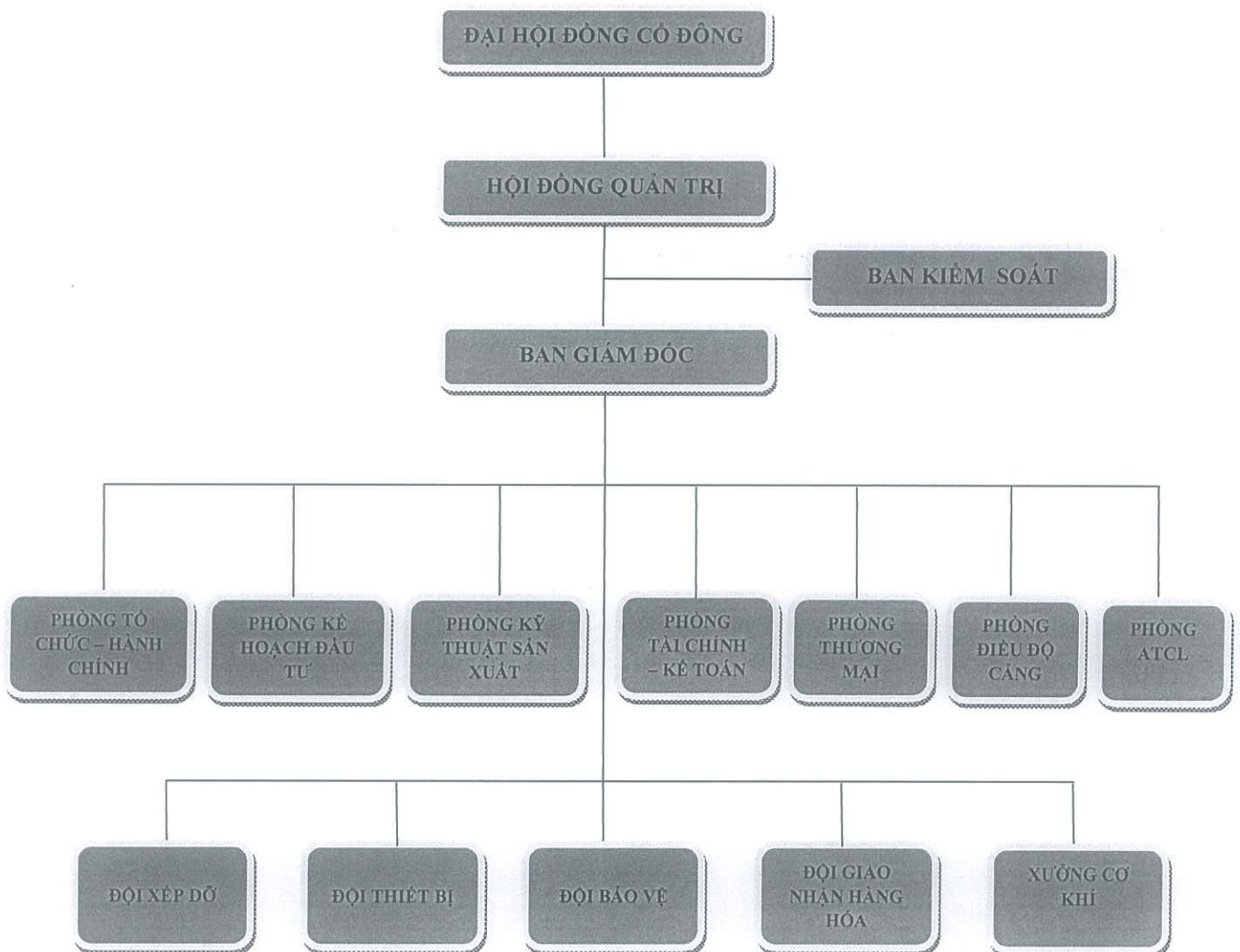
lt

3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:*

- Lĩnh vực hoạt động chính của PTSC Thanh Hóa:
- + Dịch vụ căn cứ Cảng: Bao gồm các dịch vụ Xếp dỡ hàng hóa, buộc cởi dây tàu, dịch vụ cầu bến, dịch vụ cân và giao nhận hàng hóa, cung cấp nước sạch...
- + Dịch vụ thuê kho, bãi.
- + Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; buôn bán xăng.
- + Cơ khí Dầu khí, xây lắp, Logistics, tàu chuyên dụng, đại lý.
- Địa bàn kinh doanh: Trong nước và quốc tế.

4. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:*

Bộ máy quản lý và tổ chức của Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần với sơ đồ như sau:



- *Đại hội đồng cổ đông:*

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của Hội đồng Quản trị về tình hình hoạt động kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư; bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các quyền hạn, nhiệm vụ khác theo quy định của luật pháp và điều lệ.

- *Hội đồng Quản trị:*

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

- *Ban Kiểm soát:*

Ban kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Công ty. Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ. Ban kiểm soát của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

- *Ban Giám đốc:*

Giám đốc và Phó Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông về điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó Giám đốc có trách nhiệm giúp việc Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

❖ Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;

❖ Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;

❖ Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;

❖ Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;

❖ Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;

❖ Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;

❖ Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

- *Các phòng nghiệp vụ/đội:*

Các Phòng/Đội nghiệp vụ có chức năng thực hiện các công việc nghiệp vụ chuyên môn và giúp cho lãnh đạo PTSC TH (Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc) trong công tác quản lý và điều hành Công ty.

5. *Định hướng phát triển:*

- *Quan điểm phát triển:*

Tập trung nguồn lực, duy trì tăng trưởng ổn định dịch vụ căn cứ cảng, dịch vụ cơ khí dầu khí, tàu chuyên dụng, logistics, phát triển SXKD gắn liền với An toàn, Sức khỏe, Môi trường, Chất lượng.

- *Mục tiêu tổng quát:*

Đẩy mạnh và áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin vào công tác quản lý và SXKD; quan tâm công tác đào tạo và thu hút lao động có trình độ chuyên môn cao, tiếp tục đổi mới quy trình, quy chế cho phù hợp với từng loại hình SXKD.

- *Mục tiêu cụ thể trong các năm tiếp theo:*

Phát huy nội lực kết hợp với mở rộng hợp tác, mở rộng thị trường, phát triển các loại hình dịch vụ mà trọng tâm là dịch vụ Dầu khí, phát triển Công ty ổn định, bền vững, xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

6. *Các rủi ro:*

Dịch vụ căn cứ cảng gặp sự cạnh tranh quyết liệt của các đơn vị kinh doanh cùng ngành nghề do sự tăng trưởng của cơ sở hạ tầng cảng nhanh hơn tốc độ tăng trưởng của hàng hóa.

Dịch vụ mới về cơ khí dầu khí, tàu chuyên dụng, logistics đòi hỏi phải đồng bộ về cơ sở vật chất, nhân lực, quy trình sản xuất trong thời gian ngắn, đồng thời phải cạnh tranh với các đơn vị đi trước đã có nhiều năm kinh nghiệm.

## II. Tình hình hoạt động trong năm 2016:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2016, đơn vị đã tận dụng tối đa cơ sở vật chất, nguồn lực hiện có cũng như khắc phục khó khăn, phát huy các mặt thuận lợi, tích cực tiếp cận, marketing để mở rộng SXKD, qua đó đã hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu, lợi nhuận được Tổng công ty giao, cụ thể:

St t	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	So với KH năm	So với TH 2015
1	Doanh thu	Tỷ đồng	711,599	439,000	457,400	104,19%	64,28%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	48,616	30,000	31,149	103,83%	64,07%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	45,862	28,500	29,292	102,78%	63,87%
4	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	16,278	6,000	10,324	172,07%	63,42%
5	Thu nhập người lao động	Triệu-người/tháng	18,800		16,376		87,11%

### 2. Tổ chức và nhân sự

#### - Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Cổ phần sở hữu (cổ phần)	Cổ phần Đại diện (cổ phần)	Ghi chú
1	Nguyễn Trần Toàn	Chủ tịch HĐQT	2.000	13.877.300	
2	Lê Văn Ngà	TV HĐQT/Giám đốc	3.000	8.000.000	
3	Phạm Hùng Phương	TV HĐQT/ Phó Giám đốc	3.000	-	
4	Tô Ngọc Thụ	TV HĐQT/ Phó Giám đốc	20.000	-	
5	Trần Hoài Đức	TV HĐQT	2.000		
6	Nguyễn Khắc Dũng	Phó Giám đốc	2.000		
7	Nguyễn Hữu Hoan	Kế toán trưởng	0	-	

#### - Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:

#### • Ông Nguyễn Trần Toàn – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 27/12/1964

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Mộ Đức, Quảng Ngãi

Địa chỉ thường trú: 489A/23A/23 Huỳnh Văn Bánh, P.13, Q. Phú Nhuận, T.p HCM

Số CMND: 024019260 cấp ngày 13/05/2002 Nơi cấp CA Tp. Hồ Chí Minh  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển/Kỹ sư QTKD.  
Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

• **Ông Lê Văn Ngà – Thành viên HĐQT, Giám đốc**

Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 06/09/1978  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Quê quán: Thọ Xuân, Thanh Hóa  
Địa chỉ thường trú: An Phú, Thuận An, Bình Dương.  
Số CMND: 281037103 cấp ngày 15/10/2008 Nơi cấp CA Bình Dương  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng  
Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc.

• **Ông Phạm Hùng Phương – Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc**

Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 24/04/1974  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Quê quán: Phúc Khánh, Hưng Hà, Thái Bình  
Địa chỉ thường trú: 2/3 Nguyễn Lương Bằng, Phường 9, TP. Vũng Tàu  
Số Hộ chiếu: B2873705 Ngày cấp 24/02/2009 Nơi cấp Cục QL xuất nhập cảnh  
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD/Cử nhân kinh tế  
Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc

• **Ông Trần Hoài Đức – Thành viên HĐQT**

Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 25/10/1979  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Quê quán: Tân Trường – Cẩm Giàng – Hải Dương  
Địa chỉ thường trú: Phòng B.1103, C/cư Đất Phương Nam, Chu Văn An, Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh  
Số Hộ chiếu: 141862216 Ngày cấp 28/02/2008 Nơi cấp CA Hải Dương.  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân quan hệ quốc tế, Thạc sỹ QTKD.  
Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT.

• **Ông Tô Ngọc Thụ – Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc**

Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 05/08/1962  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Quê quán: Quảng Thái – Quảng Xương – Thanh Hóa  
Địa chỉ thường trú: 39 Lê Lai, Quảng Hưng, TP. Thanh Hóa, Thanh Hóa.  
Số CMTND: 170397004 Ngày cấp 18/11/2008 Nơi cấp: Công an Thanh Hóa.  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế  
Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc

• **Ông Nguyễn Khắc Dũng – Phó Giám đốc**

Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 26/03/1974  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Quê quán: Nam Lộc, Nam Đàn, Nghệ An  
Địa chỉ thường trú: Phường 5, Trần Phú, Tp. Vũng Tàu, Bà Rịa – Vũng Tàu.  
Số CMTND: 273605143 Ngày cấp 28/3/2011 tại Công an Bà Rịa Vũng Tàu.  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng công trình  
Chức vụ hiện nay: Phó Giám đốc

• **Ông Nguyễn Hữu Hoan – Kế toán trưởng**

Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 03/11/1980  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Quê quán: Hà Châu - Hà Trung - Thanh Hóa  
Địa chỉ thường trú: 6B/23 Ngô Quyền - P. Điện Biên - Tp. Thanh Hóa  
Số CMTND: 171712810 ngày cấp 02/03/2004 tại CA Thanh Hóa.  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh  
Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không.

3. *Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:*

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tính đến ngày 15/03/2017 Công ty cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa có 440 lao động. Trong đó: Số lao động ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 320 lao động, Số lao động ký hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 - 36 tháng: 117 lao động, Số lao động ký hợp đồng dưới 12 tháng: 3 lao động.

- Chính sách đối với người lao động:

Công ty đã thực hiện tốt chế độ chính sách cho người lao động thông qua việc xây dựng, thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể.

Về chế độ tiền lương: Công ty đã xây dựng quy chế trả lương trên cơ sở tiền lương gắn với hiệu quả công việc, kết quả thực hiện công việc và mức lương của thị trường sức lao động.

#### 4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Tổng giá trị thực hiện đầu tư trong năm 2016 của PTSC Thanh Hóa đạt 2.810 triệu đồng, trong đó, giá trị thực hiện đã hình thành tài sản cố định là 2.810 triệu đồng và số tiền đã giải ngân là 10.990 triệu đồng (trong đó giải ngân dự án chuyển tiếp năm 2015 là 8.180 triệu đồng). Các dự án sau khi hoàn tất đầu tư đều được đưa vào khai thác sử dụng hiệu quả, mang lại nguồn doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

#### 5. Tình hình tài chính:

##### a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Đvt: VNĐ % tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	618.019.311.087	677.666.512.772	9,65%
Doanh thu thuần	711.491.647.859	457.365.569.400	(35,72%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	48.521.916.458	31.174.306.179	(35,75%)
Lợi nhuận khác	94.091.140	-25.012.455	(126,58%)
Lợi nhuận trước thuế	48.616.007.598	31.149.293.724	(35,93%)
Lợi nhuận sau thuế	45.862.211.076	29.292.002.105	(36,13%)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	0%

##### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	11,51	1,65	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1,44	1,53	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,24 0,31	0,27 0,37	



+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu			
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	97	27	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,15	0,67	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,064	0,064	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,097	0,058	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,074	0,042	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,068	0,069	

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 40.000.000 cổ phần.

Cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Tỷ lệ góp vốn của Cổ đông:

STT	Tên công ty	Cơ cấu vốn góp			
		PTSC	Các cổ đông khác	PVFC Capital	Tổng cộng
1	PTSC Thanh Hóa	218.773.000.000	6.227.000.000	175.000.000.000	400.000.000.000
	Tỷ lệ %	54,69%	1,56%	43,75%	100,00%

- Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Tổng mệnh giá	% vốn điều lệ	Loại cổ phần
1. Trong Công ty		<b>3.366.000.000</b>	0,84%	<b>CPPT</b>
Pháp nhân				
Thể nhân	231	3.366.000.000	0,84%	CPPT

2. Ngoài công ty		396.634.000.000	99,16%	CPPT
Pháp nhân	02	393.773.000.000	98,44%	CPPT
Thẻ nhân	191	2.861.000.000	0,72%	CPPT
<b>Tổng cộng</b>	<b>424</b>	<b>400.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>CPPT</b>

- Không có cổ đông nước ngoài.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2016 Công ty không có các đợt tăng vốn cổ phần.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2016, Công ty TH đã tận dụng tối đa cơ sở vật chất, nguồn lực hiện có cũng như khắc phục khó khăn, phát huy các mặt thuận lợi, tích cực marketing để mở rộng thị trường, qua đó đã hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu, lợi nhuận được Tổng công ty giao, cụ thể:

- Doanh thu thực hiện năm 2016 đạt 457,400 tỷ đồng, đạt 104,19% so với kế hoạch năm và bằng 64,28% so với năm 2015.

- Lợi nhuận thực hiện năm 2016 đạt 31,149 tỷ đồng, đạt 103,83% so với kế hoạch năm và bằng 64,09% so với năm 2015.

#### 2. Tình hình tài chính:

##### a) Tình hình tài sản

Về quy mô tài sản: Tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 677.667 triệu đồng, tăng 59.647 triệu đồng, tương đương tăng 9,6% so với đầu năm. Trong đó, tài sản ngắn hạn là 305.228 triệu đồng, chiếm 45% và tài sản dài hạn là 372.438 triệu đồng chiếm 55%. Quy mô tài sản tăng là một tín hiệu tốt vì trong năm đơn vị không những duy trì được quy mô tài sản mà còn làm gia tăng thêm một phần đáng kể.

Về cơ cấu tài sản: Cơ cấu tài sản của Công ty có sự thay đổi theo hướng tích cực so với thời điểm ngày 31/12/2015. Tỷ lệ tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản tăng và tỷ lệ tài sản dài hạn trên tổng tài sản giảm so với thời điểm 31/12/2015. Cụ thể, tại ngày 31/12/2016, tỷ lệ tài sản dài hạn trên tổng tài sản là 55%, giảm 9,08% so với thời điểm 31/12/2015. Tỷ lệ tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản là 45%, tăng tương đương với mức giảm của tài sản dài hạn so với thời điểm 31/12/2015. Tỷ lệ tài sản ngắn hạn tăng lên so với cùng kỳ là một chuyển biến tốt vì tỷ lệ tài sản ngắn hạn tăng lên đồng nghĩa với việc vốn lưu động phục vụ cho SXKD của đơn vị đã được tăng lên.

##### b) Tình hình nguồn vốn và nợ phải trả

Tổng nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2016 tăng lên 59.647 triệu đồng so cùng kỳ năm 2015 tương ứng 9,6%. Cơ cấu nguồn vốn cũng thay đổi đáng kể so với đầu năm. Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng nguồn vốn tăng và tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn giảm so với thời điểm 31/12/2015. Cụ thể, tại ngày 31/12/2016, tỷ lệ nợ phải trả trên tổng nguồn vốn là 27,24%, tăng 3,4%, tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn là 72,76%, giảm 3,4% so với thời điểm 31/12/2015. Tỷ lệ tăng tổng nguồn vốn so cùng kỳ lớn hơn tỷ lệ tăng nợ phải trả trong tổng nguồn vốn điều này cho thấy trong năm đơn vị không những duy trì vốn chủ sở hữu mà còn gia tăng vốn chủ sở hữu.

Về chỉ số khả năng thanh toán: Chỉ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh tại ngày 31/12/2016 tăng so với thời điểm 31/12/2015 điều này cho thấy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Đơn vị ngày càng được cải thiện.

### 3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:*

Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức đã được Tổng công ty PTSC (công ty mẹ) chấp thuận. Trong năm 2016, để phù hợp với tình hình mới, kịp thời đáp ứng nhu cầu SXKD, Đơn vị đã kiện toàn cơ cấu tổ chức phòng Thương mại. Đồng thời, tiếp tục rà soát lại các quy trình quản lý của Công ty đảm bảo phù hợp với thực tiễn.

### 4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai:*

PTSC Thanh Hóa tiếp tục tập trung xây dựng hệ thống quản lý, sản xuất tiên tiến, đào tạo, thu hút nguồn lực có năng lực, kinh nghiệm, nhiệt huyết; chuẩn bị cơ sở hạ tầng đồng bộ nhằm phát triển các loại hình dịch vụ then chốt. Trên cơ sở đó, Công ty đề ra một số nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Quyết tâm hình thành và phát triển dài hạn các dịch vụ mới có tính cốt lõi như cơ khí, logistics, tàu dịch vụ với trọng tâm là cung cấp dịch vụ cho Nhà máy lọc hoá dầu Nghi Sơn (NSRP) và các dự án trong khu vực. Duy trì ổn định dịch vụ truyền thống, đặc biệt là thực hiện thành công kế hoạch chiếm lĩnh thị trường tàu có tải trọng trên 50.000 DWT.

- Xây dựng hệ thống, quy trình chuyên nghiệp với đội ngũ nhân sự có đủ khả năng thực hiện thành công các hợp đồng đã ký với khách hàng nói chung và NSRP nói riêng.

- Đẩy mạnh thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong mọi hoạt động SXKD.

### 5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không có*

## **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

### 1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 đã được Đại hội cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị luôn theo dõi và giám sát hoạt động công ty về mọi mặt; nắm bắt tình hình, chỉ đạo sát sao, kịp thời điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế.

Cùng với việc điều chỉnh các chỉ tiêu hợp lý, Hội đồng quản trị đã đưa ra các định hướng phát triển đúng đắn, mang lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban Giám đốc công ty đã thực hiện đúng theo định hướng phát triển và các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra; Trong công tác điều hành luôn thể hiện với tinh thần trách nhiệm cao, tính năng động sáng tạo và đoàn kết, tận dụng tối đa các lợi thế, khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Việc triển khai các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được Ban Giám đốc thực hiện triệt để, có hiệu quả.

- Tình hình tài chính và các khoản chi phí được Ban Giám đốc kiểm soát tốt, không để xảy ra thiệt hại cho Công ty.

- Thực hiện tốt chính sách tiền lương, thưởng, cải thiện điều kiện làm việc cũng như nâng cao thu nhập cho người lao động.

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tăng cường công tác marketing và tìm kiếm mở rộng thị trường đảm bảo duy trì và phát triển các dịch vụ cốt lõi như: Dịch vụ căn cứ cảng; Logistics; Cơ khí dầu khí; Tàu dịch vụ. Không ngừng cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa các phương án sản xuất, tiết giảm chi phí, nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ.

- Hoàn thành đầu tư Bến Cảng nổi dài cảng số 2-Cảng PTSC Thanh Hóa nhằm chiếm lĩnh thị trường tàu trên 50.000 DWT;

- Tập trung nguồn lực thực hiện hiệu quả, an toàn các gói thầu cung cấp dịch vụ cho Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn;

- Tiếp tục nghiên cứu và chào thầu một số gói thầu cung cấp dịch vụ khác cho Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn và các dự án nhiệt điện trong và ngoài khu vực;

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý, quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy định của Nhà nước, Tập đoàn, Tổng công ty PTSC và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Tiếp tục xây dựng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu mở rộng các loại hình dịch vụ mới;

- Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông và đảm bảo thu nhập và điều kiện làm việc của người lao động. Thực hiện các giải pháp khuyến khích để người lao động giỏi gắn bó vì sự phát triển của Công ty;

- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông giao.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Hiện tại có 05 thành viên:

Họ và tên	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu CP	Các chức vụ khác
Ông Nguyễn Trần Toàn	Chủ tịch HĐQT	0,005%	Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam

Họ và tên	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu CP	Các chức vụ khác
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên HĐQT/Giám đốc	0,008%	
Ông Phạm Hùng Phương	Thành viên HĐQT/Phó Giám đốc	0,008%	
Ông Tô Ngọc Thụ	Thành viên HĐQT/Phó Giám đốc	0,05%	
Ông Trần Hoài Đức	Thành viên HĐQT	0,005%	Phó Giám đốc Công ty Tàu dịch vụ Dầu khí PTSC

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Công ty luôn thực hiện, tuân thủ nghiêm túc Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Ngày 09/4/2016, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2016; trong năm 2016 đã tiến hành 04 cuộc họp, 8 lần lấy ý kiến và ban hành tổng cộng 30 văn bản, trong đó có 18 Nghị quyết, Quyết định liên quan đến kế hoạch sản xuất kinh doanh và công tác tiền lương.

- Các cuộc họp do Chủ tịch HĐQT chủ trì với các nội dung được chuẩn bị kỹ lưỡng và được tiến hành dân chủ bàn bạc, có biểu quyết và thống nhất cao.

- Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều được lấy ý kiến đồng thuận của tất cả các thành viên trong Hội đồng quản trị và được phổ biến đến toàn Công ty để thực hiện.

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng, đủ các báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với Công ty đại chúng quy mô lớn và của Tổng công ty PTSC.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

Tham dự đầy đủ các phiên họp HĐQT, cùng xem xét nghiên cứu và đưa ra ý kiến đóng góp cho Nghị quyết của HĐQT.

Thường xuyên cùng Ban kiểm soát Công ty kiểm tra hoạt động tài chính và các hoạt động khác của Công ty.

Có ý kiến kịp thời với Ban giám đốc và HĐQT khi nhận thấy có những quyết sách chưa hợp lý.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Các thành viên Hội đồng quản trị đều được tham gia các lớp tập huấn về quản lý công ty.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Hiện tại có 03 thành viên:

Họ tên	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu CP	Các chức vụ khác
Ông: Nguyễn Quang Chánh	Trưởng BKS	0,013%	Phó ban Tài chính kế toán Tổng công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Ông: Trần Xuân Tài	Thành viên	0%	
Ông: Hoàng Sĩ Hiếu	Thành viên	0,013%	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát Công ty hợp định kỳ cùng với các kỳ họp HĐQT. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ của Công ty: giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về báo cáo hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư.

Hàng quý Ban Kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016 được trả theo mức Đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể thù lao đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị là 3.000.000 đồng/tháng; Thành viên Hội đồng quản trị là 2.000.000 đồng-người/tháng; Trưởng Ban kiểm soát là 2.000.000 đồng/tháng; Thành viên ban kiểm soát là 1.000.000 đồng-người/tháng. Tiền lương của Ban Giám đốc được trả theo quy định tại Quy chế quản lý tiền lương của Công ty.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

## VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán: Đính kèm.

Xác nhận của đại diện theo pháp luật  
của Công ty



GIÁM ĐỐC  
LÊ VĂN NGÀ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ  
TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 24



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Trần Toàn	Chủ tịch
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên
Ông Phạm Hùng Phương	Thành viên
Ông Trần Hoài Đức	Thành viên
Ông Tô Ngọc Thụ	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Văn Ngà	Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Dũng	Phó Giám đốc
Ông Tô Ngọc Thụ	Phó Giám đốc
Ông Phạm Hùng Phương	Phó Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Lê Văn Ngà**  
**Giám đốc**

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

CHI  
CÔ  
CHN  
ĐEI  
VIỆ

Số: 368 /VN1A-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2017 từ trang 3 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Võ Thái Hòa**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0138-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Đào Thái Thịnh**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1867-2013-001-1

1-06  
ÁNH  
TY  
HỮU  
HẠN  
TT  
NAM  
HỒ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>305.228.657.528</b>	<b>222.211.508.476</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>58.152.530.616</b>	<b>42.885.892.479</b>
1. Tiền	111		20.818.108.521	3.896.259.432
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.334.422.095	38.989.633.047
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>52.522.446.191</b>	<b>75.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	52.522.446.191	75.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>170.834.464.891</b>	<b>89.695.735.182</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	170.493.196.856	86.661.183.493
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.503.749.652	2.168.529.295
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	3.087.290.763	4.449.642.186
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(4.249.772.380)	(3.583.619.792)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>23.041.752.811</b>	<b>10.293.322.445</b>
1. Hàng tồn kho	141		23.041.752.811	10.293.322.445
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>677.463.019</b>	<b>4.336.558.370</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	677.463.019	543.738.356
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	3.792.820.014
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>372.437.855.244</b>	<b>395.807.802.611</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>367.038.476.242</b>	<b>389.981.568.706</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	367.038.476.242	389.981.568.706
- Nguyên giá	222		569.574.095.097	559.615.013.271
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(202.535.618.855)	(169.633.444.565)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		311.989.714	311.989.714
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(311.989.714)	(311.989.714)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.164.123.725</b>	<b>1.387.869.199</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	2.164.123.725	1.387.869.199
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.235.255.277</b>	<b>4.438.364.706</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	2.558.009.890	3.847.207.266
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	677.245.387	591.157.440
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>677.666.512.772</b>	<b>618.019.311.087</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>184.629.147.203</b>	<b>147.394.615.961</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>184.629.147.203</b>	<b>147.394.615.961</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	116.217.418.487	76.581.457.321
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.105.117.629	5.124.760.782
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	3.429.041.888	3.350.842.276
4. Phải trả người lao động	314		9.631.090.962	20.299.660.783
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	28.651.221.733	16.323.545.133
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	20.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	23.568.372.654	23.597.010.111
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.026.883.850	2.097.339.555
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>493.037.365.569</b>	<b>470.624.695.126</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>493.037.365.569</b>	<b>470.624.695.126</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.762.484.050	24.762.484.050
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		68.274.881.519	45.862.211.076
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		38.982.879.414	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		29.292.002.105	45.862.211.076
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>677.666.512.772</b>	<b>618.019.311.087</b>



**Nguyễn Văn Mạnh**  
 Người lập biểu



**Nguyễn Hữu Hoan**  
 Kế toán trưởng



**Lê Văn Nga**  
 Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		451.562.351.337	709.719.139.478
<b>2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)</b>	<b>10</b>	<b>22</b>	<b>451.562.351.337</b>	<b>709.719.139.478</b>
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	401.909.413.422	631.587.319.697
<b>4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>49.652.937.915</b>	<b>78.131.819.781</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	5.803.218.063	1.772.508.381
6. Chi phí tài chính	22		1.990.406	1.529
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	24.279.859.393	31.382.410.175
<b>8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)</b>	<b>30</b>		<b>31.174.306.179</b>	<b>48.521.916.458</b>
9. Thu nhập khác	31		130.779.967	98.066.072
10. Chi phí khác	32		155.792.422	3.974.932
<b>11. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(25.012.455)</b>	<b>94.091.140</b>
<b>12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>31.149.293.724</b>	<b>48.616.007.598</b>
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	1.943.379.566	3.344.953.962
14. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	27	(86.087.947)	(591.157.440)
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>29.292.002.105</b>	<b>45.862.211.076</b>
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	622	975

**Nguyễn Văn Mạnh**  
Người lập biểu

**Nguyễn Hữu Hoan**  
Kế toán trưởng



**Lê Văn Ngà**  
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>31.149.293.724</b>	<b>48.616.007.598</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	32.724.255.490	36.334.868.922
Các khoản dự phòng	03	666.152.588	1.590.468.178
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(194.338)	(6.122.841)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.803.023.725)	(1.766.385.540)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>58.736.483.739</b>	<b>84.768.836.317</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(78.012.062.283)	866.101.672
Thay đổi hàng tồn kho	10	(12.748.430.366)	(6.954.313.437)
Thay đổi các khoản phải trả	11	45.305.417.937	42.389.763.147
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.155.472.713	2.517.628.340
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.937.621.264)	(346.244.827)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.771.868.566)	(2.958.602.312)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.727.391.910</b>	<b>120.283.168.900</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định	21	(14.390.854.714)	(18.845.262.231)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(40.000.000.000)	(100.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	62.477.553.809	25.610.000.000
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	5.452.352.794	1.766.385.540
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>13.539.051.889</b>	<b>(91.468.876.691)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30)</b>	<b>50</b>	<b>15.266.443.799</b>	<b>28.814.292.209</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>42.885.892.479</b>	<b>14.065.477.429</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	194.338	6.122.841
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>58.152.530.616</b>	<b>42.885.892.479</b>



**Nguyễn Văn Mạnh**  
 Người lập biểu



**Nguyễn Hữu Hoan**  
 Kế toán trưởng



**Lê Văn Nga**  
 Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2801448559 ngày 28 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ngày 13 tháng 11 năm 2009, và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ đông chính và là công ty mẹ của Công ty là Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng công ty PTSC").

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 443 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 449 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến dịch vụ vận tải (cung cấp vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí; dịch vụ đại lý tàu biển; cung cấp dịch vụ thử tải, dịch vụ hạ thủy, nâng hạ nặng, dịch vụ cân); bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (kinh doanh phân đạm và hóa chất phục vụ nông nghiệp; kinh doanh gỗ dăm, clinker và than quặng); bốc xếp hàng hóa (vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, kiểm đếm và giao nhận hàng hóa); dịch vụ lưu trữ ngắn ngày (dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ); quản lý, điều hành kinh doanh và khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí, kinh doanh các dịch vụ cảng; kinh doanh vận tải đa phương thức trong và ngoài nước; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí; chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí; cung cấp dịch vụ kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau khi hàn; cho thuê máy móc thiết bị, xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; khai thác xử lý và cung cấp nước; thu gom rác thải; dịch vụ phòng trọ; dịch vụ đồ uống; nhà hàng và các dịch vụ khác; buôn bán vật liệu; thực phẩm; đồ uống; bán lẻ thực phẩm lương thực; vận tải đường bộ; kinh doanh bất động sản.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh dịch vụ cảng
- Kinh doanh nhiên liệu
- Dịch vụ logistics
- Dịch vụ gia công cơ khí

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường đối với các hoạt động dịch vụ cảng, kinh doanh nhiên liệu và dịch vụ logistics của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng. Đối với dịch vụ gia công cơ khí, chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty tương ứng với thời gian thực hiện hợp đồng gia công, tùy theo từng dự án, thường là trong thời gian từ 12 đến 24 tháng.

#### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra. Tuy nhiên việc áp dụng thông tư này không có ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh.

#### **Công cụ tài chính**

##### ***Ghi nhận ban đầu***

##### ***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### ***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả ngắn hạn.

##### ***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### ***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



### Các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 34
Máy móc và thiết bị	2 - 16
Phương tiện vận tải	2 - 3
Thiết bị văn phòng	2 - 5
Tài sản khác	4 - 15

#### Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê.

#### Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**Công ty là bên đi thuê**

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong hai năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm phí bảo hiểm, công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác. Các khoản này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	304.033.175	592.722.428
Tiền gửi ngân hàng	20.514.075.346	3.303.537.004
Các khoản tương đương tiền	37.334.422.095	38.989.633.047
	<b>58.152.530.616</b>	<b>42.885.892.479</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam và Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương với lãi suất từ 4,7%/năm đến 5,3%/năm.

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	52.522.446.191	52.522.446.191	75.000.000.000	75.000.000.000
	<b>52.522.446.191</b>	<b>52.522.446.191</b>	<b>75.000.000.000</b>	<b>75.000.000.000</b>

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng trong nước hưởng lãi suất từ 5,0% đến 6,0% một năm (năm 2015: 4,7% đến 4,9% một năm). Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, các khoản tiền gửi nêu trên có thời gian đáo hạn trên 3 tháng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên thứ ba</b>	<b>83.954.116.366</b>	<b>45.970.145.380</b>
Công ty TNHH Tatsumi Việt Nam	41.241.385.869	17.898.893.780
Công ty TNHH MTV Hoa Sen Nghệ An	6.876.583.931	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	35.836.146.566	28.071.251.600
<b>b. Phải thu khách hàng các bên liên quan (xem Thuyết minh số 30)</b>	<b>86.539.080.490</b>	<b>40.691.038.113</b>
	<b><u>170.493.196.856</u></b>	<b><u>86.661.183.493</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, tình hình nợ quá hạn của Công ty như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Thiện Tài	927.659.546	-	(927.659.546)	927.659.546	-	(927.659.546)
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Văn Lang	878.015.100	263.404.530	(614.610.570)	878.015.100	439.007.550	(439.007.550)
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Nghi Sơn	1.703.887.581	681.958.980	(1.021.928.601)	1.703.887.581	1.022.736.496	(681.151.085)
Các khách hàng khác	166.983.634.629	165.298.060.966	(1.685.573.663)	83.151.621.266	81.615.819.655	(1.535.801.611)
	<b>170.493.196.856</b>	<b>166.243.424.476</b>	<b>(4.249.772.380)</b>	<b>86.661.183.493</b>	<b>83.077.563.701</b>	<b>(3.583.619.792)</b>

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản trả trước người bán ngắn hạn là bên thứ ba	1.175.637.200	1.856.336.363
Trả trước cho các bên liên quan (xem Thuyết minh số 30)	328.112.452	312.192.932
	<b><u>1.503.749.652</u></b>	<b><u>2.168.529.295</u></b>

**9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Phải thu khách hàng các bên liên quan</b> (xem Thuyết minh số 30)	<b>855.735.582</b>	<b>3.747.469.715</b>
<b>b. Các khoản phải thu khác</b>	<b>2.231.555.181</b>	<b>702.172.471</b>
Phải thu người lao động	80.000.000	-
Khác	2.151.555.181	702.172.471
	<b><u>3.087.290.763</u></b>	<b><u>4.449.642.186</u></b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.468.512.934	1.362.722.883
Công cụ, dụng cụ	1.493.090.455	892.741.264
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	20.080.149.422	8.037.858.298
	<b><u>23.041.752.811</u></b>	<b><u>10.293.322.445</u></b>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phí bảo hiểm các loại	373.588.400	101.772.925
Công cụ, dụng cụ	303.874.619	293.822.446
Chi phí khác	-	148.142.985
	<b><u>677.463.019</u></b>	<b><u>543.738.356</u></b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	<b><u>2.558.009.890</u></b>	<b><u>3.847.207.266</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**12. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tài sản khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư đầu năm	496.598.356.153	48.288.229.167	2.920.543.158	9.567.455.931	2.240.428.862	559.615.013.271
Tăng trong năm	-	5.148.146.817	668.580.000	2.654.060.000	675.018.901	9.145.805.718
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	813.276.108	-	-	-	-	813.276.108
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>497.411.632.261</b>	<b>53.436.375.984</b>	<b>3.589.123.158</b>	<b>12.221.515.931</b>	<b>2.915.447.763</b>	<b>569.574.095.097</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư đầu năm	143.377.132.516	19.165.345.789	1.834.873.346	4.082.868.046	1.173.224.868	169.633.444.565
Khấu hao trong năm	25.621.402.649	4.459.008.926	935.592.351	1.518.214.692	367.955.672	32.902.174.290
Số dư cuối năm	168.998.535.165	23.624.354.715	2.770.465.697	5.601.082.738	1.541.180.540	202.535.618.855
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày đầu năm	353.221.223.637	29.122.883.378	1.085.669.812	5.484.587.885	1.067.203.994	389.981.568.706
Tại ngày cuối năm	328.413.097.096	29.812.021.269	818.657.461	6.620.433.193	1.374.267.223	367.038.476.242

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 19.964.033.337 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 8.846.865.755 đồng).

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỒI DANG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án nhà công vụ phục mở rộng Cảng Nghi Sơn	-	35.164.242
Công trình nhà sơn di động	1.896.926.918	853.599.059
Công trình Bến nổi dài bến số 2	267.196.807	126.378.625
Nâng cấp cổng Cảng	-	372.727.273
	<b>2.164.123.725</b>	<b>1.387.869.199</b>

**14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5%	5%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	13.544.907.734	11.823.148.802
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>677.245.387</b>	<b>591.157.440</b>

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a Các khoản phải trả người bán ngắn hạn là bên thứ ba</b>	<b>105.341.658.134</b>	<b>105.341.658.134</b>	<b>71.498.922.778</b>	<b>71.498.922.778</b>
Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị Vietship	21.598.991.757	21.598.991.757	-	-
Công ty TNHH Phú Quý Hải Hà	10.773.296.676	10.773.296.676	1.749.838.977	1.749.838.977
Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Chấn Hưng	9.472.583.693	9.472.583.693	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức	-	-	4.765.383.264	4.765.383.264
Công ty Cổ phần xây dựng và Thương mại Vincomat	1.565.356.799	1.565.356.799	15.034.963.093	15.034.963.093
Công ty Cổ phần Cung cấp Dịch vụ Phương tiện nổi F.V.S	1.021.898	1.021.898	7.616.770.215	7.616.770.215
Phải trả cho các đối tượng khác	61.930.407.311	61.930.407.311	42.331.967.229	42.331.967.229
<b>b Phải trả người bán là các bên liên quan (xem Thuyết minh số 30)</b>	<b>10.875.760.353</b>	<b>10.875.760.353</b>	<b>5.082.534.543</b>	<b>5.082.534.543</b>
	<b>116.217.418.487</b>	<b>116.217.418.487</b>	<b>76.581.457.321</b>	<b>76.581.457.321</b>

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	7.632.905.462	4.489.706.499	3.143.198.963
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.246.506.588	1.943.379.566	4.937.621.264	252.264.890
Thuế thu nhập cá nhân	104.335.688	823.275.232	894.032.885	33.578.035
	<b>3.350.842.276</b>	<b>10.399.560.260</b>	<b>10.321.360.648</b>	<b>3.429.041.888</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí dịch vụ tư vấn	101.000.000	101.000.000
Chi phí phải trả thuê đất và tài sản (*)	15.000.000.000	10.000.000.000
Chi phí phải trả về các dịch vụ mua ngoài	13.550.221.733	6.222.545.133
	<b>28.651.221.733</b>	<b>16.323.545.133</b>

(\*) Đây là khoản chi phí ước tính phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN") về tiền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất tại khu vực Vinashin mà PVN tiếp nhận từ Vinashin theo Quyết định số 926QĐ-TTG ngày 18 tháng 6 năm 2010 của Thủ Tướng Chính phủ về việc quyết định tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam và Quyết định số 7090/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 về việc chuyển giao cho Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam. Công ty đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay hợp đồng thuê đất với PVN.



**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí Công đoàn	246.324.798	281.200.414
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	-	5.535.553
Tổng Công ty Cổ Phần Dịch vụ Kỹ thuật		
Dầu khí Việt Nam	22.265.141.740	21.975.710.393
Các khoản phải trả khác	1.056.906.116	1.334.563.751
	<b><u>23.568.372.654</u></b>	<b><u>23.597.010.111</u></b>

Khoản phải trả Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Dầu khí Việt Nam liên quan đến tài sản chuyển giao cho Công ty giai đoạn trước cổ phần hóa và sẽ được Công ty thanh toán dần qua các năm tùy theo tình hình tài chính của Công ty. Khoản phải trả này không chịu lãi suất.

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	400.000.000.000	9.744.869.275	17.667.782.087	427.412.651.362
Lợi nhuận trong năm	-	-	45.862.211.076	45.862.211.076
Trích lập quỹ trong năm	-	15.017.614.775	(17.667.782.087)	(2.650.167.312)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b><u>400.000.000.000</u></b>	<b><u>24.762.484.050</u></b>	<b><u>45.862.211.076</u></b>	<b><u>470.624.695.126</u></b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	29.292.002.105	29.292.002.105
Trích lập quỹ trong năm	-	-	(6.879.331.662)	(6.879.331.662)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b><u>400.000.000.000</u></b>	<b><u>24.762.484.050</u></b>	<b><u>68.274.881.519</u></b>	<b><u>493.037.365.569</u></b>

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 3211/NQ-DKTH\_ĐHCĐ ngày 09 tháng 4 năm 2016, Công ty đã tiến hành phân phối lợi nhuận năm 2015 để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 6.879.331.662 đồng (năm 2015: trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền lần lượt là 15.017.614.775 đồng và 2.650.167.312 đồng). Số liệu đối với việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2016 sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**Vốn cổ phần**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 400 tỷ đồng, tương đương 40.000.000 cổ phần thường với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn cổ phần đã được góp đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Vốn đã góp VND
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	54,69	218.773.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Tài chính Dầu khí	43,75	175.000.000.000
Các cổ đông khác	1,56	6.227.000.000
	<b><u>100</u></b>	<b><u>400.000.000.000</u></b>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

**20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
Đô la Mỹ (USD)	<u>4.554</u>	<u>4.557</u>

**21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý. Công ty hiện không có hơn một bộ phận cả theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý mà chỉ hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là quản lý, điều hành kinh doanh và khai thác cảng, cẩu cứu dịch vụ kỹ thuật dầu khí, kinh doanh các dịch vụ cảng; dịch vụ cảng và cung ứng hàng hóa, nhiên liệu và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

**22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	5.856.414.995	81.511.079.760
Doanh thu cung cấp dịch vụ	445.705.936.342	628.208.059.718
	<b>451.562.351.337</b>	<b>709.719.139.478</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng bán	5.765.481.563	80.909.584.435
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	396.143.931.859	550.677.735.262
	<b>401.909.413.422</b>	<b>631.587.319.697</b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.243.635.810	47.746.369.113
Chi phí nhân công	67.084.596.594	94.833.575.719
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.724.255.490	36.334.868.922
Chi phí dịch vụ mua ngoài	265.594.448.497	389.024.738.305
Chi phí bằng tiền khác	19.048.054.129	21.067.415.326
	<b>422.694.990.520</b>	<b>589.006.967.385</b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	5.452.352.794	1.766.385.540
Hoạt động tài chính khác	350.670.931	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	194.338	6.122.841
	<b>5.803.218.063</b>	<b>1.772.508.381</b>

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí cho nhân viên	7.260.586.937	9.121.427.514
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.776.132.054	4.571.194.963
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.775.951.967	1.353.216.497
Chi phí dự phòng	666.152.588	1.590.468.178
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.196.341.261	2.828.080.174
Chi phí khác	7.604.694.586	11.918.022.849
	<b>24.279.859.393</b>	<b>31.382.410.175</b>

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	1.655.242.219	3.344.953.962
- Điều chỉnh Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào Chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	288.137.347	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>1.943.379.566</u></b>	<b><u>3.344.953.962</u></b>
Lợi nhuận trước thuế	31.149.293.724	48.616.007.598
Điều chỉnh cho thu nhập tính thuế: <i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<u>1.955.550.650</u>	<u>11.923.123.730</u>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>33.104.844.374</b>	<b>60.539.131.328</b>
Thu nhập tính thuế theo thuế suất 5%	33.104.844.374	58.668.558.408
Thu nhập tính thuế theo thuế suất thông thường 20% (năm 2015: 22%)	-	1.870.572.920
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>1.655.242.219</u></b>	<b><u>3.344.953.962</u></b>
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	<u>86.087.947</u>	<u>591.157.440</u>

Đối với hoạt động chính, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) kể từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2009). Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm kể từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập tính thuế từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm (9 năm) tiếp theo.

**28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phần phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế	29.292.002.105	45.862.211.076
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	<u>(4.393.800.316)</u>	<u>(6.879.331.662)</u>
Lãi để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.898.201.789	38.982.879.414
Số bình quân gia quyền của cổ phần phổ thông	40.000.000	40.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>622</u></b>	<b><u>975</u></b>

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2016 được tính trên cơ sở của lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 như trên và số liệu ước tính trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi là 15% từ lợi nhuận sau thuế trong năm của Công ty. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai năm do Công ty chưa có kế hoạch cho việc trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm 2016.

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.152.530.616	42.885.892.479
Phải thu khách hàng và phải thu khác	169.099.160.058	87.527.205.887
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	52.522.446.191	75.000.000.000
	<b><u>279.774.136.865</u></b>	<b><u>205.413.098.366</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	139.078.402.306	77.474.979.113
Chi phí phải trả ngắn hạn	28.651.221.733	16.323.545.133
	<b><u>167.729.624.039</u></b>	<b><u>93.798.524.246</u></b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền Đô la Mỹ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 83.606.248 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 102.718.161 đồng).

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ không ảnh hưởng trọng yếu.



*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu và hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2016	Dưới 1 năm VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.152.530.616
Phải thu khách hàng và phải thu khác	169.099.160.058
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	52.522.446.191
	<b><u>279.774.136.865</u></b>
Phải trả người bán và phải trả khác	139.078.402.306
Chi phí phải trả ngắn hạn	28.651.221.733
	<b><u>167.729.624.039</u></b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b><u>112.044.512.826</u></b>

31/12/2015	Dưới 1 năm VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.885.892.479
Phải thu khách hàng và phải thu khác	87.527.205.887
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	75.000.000.000
	<b><u>205.413.098.366</u></b>
Phải trả người bán và phải trả khác	77.474.979.113
Chi phí phải trả ngắn hạn	16.323.545.133
	<b><u>93.798.524.246</u></b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b><u>111.614.574.120</u></b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN")	Công ty mẹ của Tổng công ty
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Công ty trong cùng Tổng công ty
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Công ty trong cùng Tổng công ty
- Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Công ty trong cùng Tổng công ty
- Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội	Công ty trong cùng Tổng công ty
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Công ty trong cùng Tổng công ty
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	Công ty trong cùng Tổng công ty
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	Công ty trong cùng Tổng công ty
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Công ty trong cùng Tổng công ty
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Công ty trong cùng Tổng công ty
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Công ty trong cùng Tổng công ty
- Chi nhánh Nghi Sơn	
Chi nhánh Tổng Công ty Dung dịch khoan và hóa phẩm Dầu khí	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
- CTCP tại thành phố Hồ Chí Minh	
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu Nhớt PVOIL Miền Bắc	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Chi nhánh Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Thanh Hóa	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam ( PVISOUTH )	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty Cổ phần Giám định Năng Lượng Việt Nam (EIC)	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu khí Ninh Bình	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty Cổ phần Bọc Ống Dầu Khí Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty TNHH MTV Kiểm Định Kỹ Thuật An Toàn Dầu Khí Việt Nam - PV EIC	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí VN - PV EIC	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Tổng Công ty Cổ Phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty Cổ phần Khách Sạn Lam Kinh	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Tổng công ty phân bón & hóa chất dầu khí - CTCP	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN
Chi nhánh Tổng công ty Dung dịch khoan và hóa phẩm Dầu khí - CTCP tại thành phố Hồ Chí Minh	Công ty trong cùng Tập đoàn PVN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Bán hàng, dịch vụ</b>		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	3.965.171.843	38.665.193.039
Công ty Cổ phần Phân bón & Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	1.872.720.455	-
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	20.917.077	780.000.000
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	157.238.545.267	116.791.788.815
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	40.462.871.439	14.422.299.070
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	53.963.453	33.122.643
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu khí Ninh Bình	-	237.183.140
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	90.000.000	-
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	43.500.162.058	7.892.481.038
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam	-	1.542.981.856

**Mua hàng, dịch vụ**

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	2.918.182	333.451.145
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	19.515.300	29.485.050
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	877.812.156	877.812.155
Công ty Bảo hiểm PVI Thanh Hóa	1.238.666.497	1.465.046.465
Công ty Bảo Hiểm PVI Phía Nam ( PVISOUTH )	97.684.570	-
Công ty TNHH MTV Kiểm Định Kỹ Thuật An Toàn Dầu Khí Việt Nam - PV EIC	90.327.273	124.836.364
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ Thuật Dầu Khí Việt Nam tại Hà Nội	8.819.416.411	343.636.364
Chi nhánh Tổng công ty Dung dịch khoan và hóa phẩm Dầu khí - CTCP tại thành phố Hồ Chí Minh	1.355.277.090	2.999.370.766
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	1.205.734.462	2.154.583.255
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	486.160.076	172.365.798
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Nahi Sơn	246.301.841	634.897.093
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	354.657.220	-
Công ty Cổ phần Bọc Ống Dầu Khí Việt Nam	1.026.287.572	10.574.569.429
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	716.682.527	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	3.580.144.717	52.800.000

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lương và thu nhập khác	3.610.329.760	2.688.682.390

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu</b>		
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam	-	190.901.645
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	-	858.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	5.460.372.283	9.177.642.606
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	13.095.049.700	2.793.102.735
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	19.329.668.211	2.897.565.488
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	48.653.990.296	24.773.825.639
	<b>86.539.080.490</b>	<b>40.691.038.113</b>

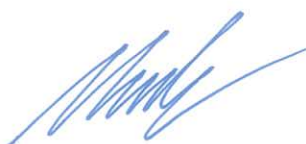
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG DỊCH VỤ DẦU KHÍ TỔNG HỢP PTSC THANH HÓA**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	-	1.195.750.843
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	287.896.469	1.833.309.840
Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn	201.346.548	138.426.755
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	350.074.112	-
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	16.418.453	579.982.277
	<b>855.735.582</b>	<b>3.747.469.715</b>
<b>Phải trả</b>		
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	-	482.796.685
Công ty TNHH Khách Sạn Dầu Khí PTSC	-	2.968.349
Công ty Cổ phần Bọc Ống Dầu Khí Việt Nam	3.498.659.653	4.493.860.634
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	146.600	146.600
Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí VN - PV EIC	-	38.700.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Nghi Sơn	70.691.430	64.062.275
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	510.776.482	-
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu Khí Việt Nam tại Hà Nội	2.787.262.500	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	39.600.000	-
Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	3.843.768.189	-
Công ty TNHH Khách Sạn Dầu Khí PTSC	3.609.374	-
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	121.246.125	-
	<b>10.875.760.353</b>	<b>5.082.534.543</b>
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Tổng công ty phân bón & hóa chất dầu khí - CTCP	165.000.000	-
Chi nhánh Tổng công ty Dung dịch khoan và hóa phẩm Dầu khí - CTCP tại thành phố Hồ Chí Minh	163.112.452	312.192.932
	<b>328.112.452</b>	<b>312.192.932</b>
<b>Phải trả khác</b>		
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	22.265.141.740	21.975.710.393
<b>Chi phí phải trả</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	486.160.076	-
Chi nhánh Tổng Công ty Dung dịch khoan và hóa phẩm Dầu khí - CTCP tại thành phố Hồ Chí Minh	2.077.988.901	-
	<b>2.564.148.977</b>	-

**31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang không bao gồm số tiền 4.662.792.903 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 8.318.311.265 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên thay đổi các khoản phải trả.



**Nguyễn Văn Mạnh**  
Người lập biểu



**Nguyễn Hữu Hoan**  
Kế toán trưởng



**Lê Văn Ngà**  
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2017